

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC BÌNH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 19-9-2019.
V/v Tranh chấp về ly hôn, nuôi
con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH, TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hạnh.

Bà Lại Thị Mỹ Tâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chiêm Vân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Trần Thông- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Nguyễn H, sinh năm 1985

Địa chỉ: Khu phố HP, thị trấn CL, huyện BB, tỉnh Bình Thuận.

*** Bị đơn:** Chị Trần Thị M, sinh năm 1988

Địa chỉ: Khu phố HP, thị trấn CL, huyện BB, tỉnh Bình Thuận.

(Anh H có mặt; chị M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/3/2019, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn anh H trình bày:

+ **Về hôn nhân:** Anh H và chị M tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn CL vào năm 2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại nhà anh H ở khu phố HP, thị trấn CL. Đời sống hôn nhân của vợ chồng chị đầm ấm, hạnh phúc, vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì. sau khi vợ

chồng có con, anh H vẫn tạo điều kiện cho chị M đi học lớp điều dưỡng tại Trường Cao Đẳng y tế Bình Thuận thời gian đầu chị M vẫn thường xuyên liên lạc bằng điện thoại về hỏi thăm gia đình, nhưng từ tháng 4/2012, chị M chủ động ngắt liên lạc với anh và gia đình, anh và gia đình tìm đủ mọi biện pháp để liên lạc, tìm kiếm thông tin địa chỉ của chị M vẫn không biết chị M ở đâu. Sau khi anh H đã yêu cầu Tòa án thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú và yêu cầu tuyên bố mất tích đối với chị M theo quy định của pháp luật. Quá thời hạn 04 tháng kể từ ngày đăng, phát thông báo lần đầu tiên ngày 24/12/2017, anh H không nhận được thông tin gì của chị M cũng không biết hiện nay chị M còn sống hay đã chết, nên Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình đã chấp nhận yêu cầu của anh về việc tuyên bố chị M mất tích theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 01/2018/QĐST-DS ngày 28/5/2018. Nay để ổn định cuộc sống riêng, anh H khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị M.

+ **Về con chung:** Vợ chồng có 01 (một) con chung Nguyễn Trần Bảo Ng, sinh ngày 05/7/2011. Khi ly hôn, anh H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

+ **Về tài sản chung và nợ chung:** Anh H khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành thu thập những tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản xác minh về mâu thuẫn vợ chồng. Biên bản làm việc ngày 07/8/2019, đại diện chính quyền địa phương nơi cư trú của anh H và chị M cung cấp như sau: Anh H và chị M là vợ chồng có đăng ký hộ khẩu tại địa phương, quá trình sống chung không thấy xảy ra mâu thuẫn, từ năm 2012 chị M đi đâu không rõ, cũng từ thời gian này không thấy chị M trở về thăm gia đình, không rõ hiện nay chị M ở đâu.

* Tại phiên Tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn H thấy rằng, kể từ khi Tòa án tuyên bố chị M mất tích đến nay, chị M vẫn không có liên lạc gì với anh H. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử cho anh H được ly hôn với chị M.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung Nguyễn Trần Bảo Ng, sinh ngày 05/7/2011. Khi ly hôn, anh H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh H.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh H khai không có nên đề nghị Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn Trần Thị M. Cả nguyên đơn và bị đơn đều có địa chỉ ở huyện BB, tỉnh Bình Thuận nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tòa án cùng chính quyền địa phương đã tiến hành thu thập những tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản xác minh về mâu thuẫn vợ chồng. Biên bản làm việc ngày 07/8/2019, đại diện chính quyền địa phương nơi cư trú của anh H và chị M cung cấp như sau: Anh H và chị M là vợ chồng có đăng ký hộ khẩu tại địa phương, quá trình sống chung không thấy xảy ra mâu thuẫn, từ năm 2012 chị M đi đâu không rõ, cũng từ thời gian này không thấy chị M trở về thăm gia đình, không rõ hiện nay chị M ở đâu nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng như lập Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Biên bản hòa giải đối với chị M theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt 02 lần tại phiên tòa nên căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Về nội dung:

Hôn nhân của anh Nguyễn H và chị Trần Thị M có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn CL, huyện BB, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 70, Quyền số 01 ngày 17/7/2008 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn cầu anh H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Đời sống hôn nhân của vợ chồng anh H, chị M đầm ấm, hạnh phúc không có mâu thuẫn gì, sau khi vợ chồng có con, anh H vẫn tạo điều kiện cho chị M đi học lớp điều dưỡng tại Trường Cao Đẳng y tế Bình Thuận thời gian đầu chị M vẫn thường xuyên liên lạc bằng điện thoại về hỏi thăm gia đình, nhưng từ tháng 4/2012, chị M chủ động ngắt liên lạc với anh và gia đình, anh và gia đình tìm đủ mọi biện pháp để liên lạc, tìm kiếm thông tin địa chỉ của chị M vẫn không có tin tức gì. Anh H đã yêu cầu Tòa án thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú và yêu cầu tuyên bố mất tích đối với chị M, nhưng kể từ khi bị Tòa án nhân dân huyện BB tuyên bố chị M mất tích cho đến nay anh H không có tin tức gì của chị M. Như vậy, chị M đã tự khước từ quyền, lợi ích hợp pháp của mình nên căn cứ vào Khoản 1, Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị M. Căn cứ vào Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H

[4] Về con chung:

- Về nuôi con: Anh H và chị M có 01 (một) con chung là Nguyễn Trần Bảo Ng, sinh ngày 05/7/2011. Khi ly hôn, anh H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con

chung. Xét thấy, từ khi chị M mất tích đến nay, cháu Ng do anh H trực tiếp nuôi dưỡng, anh H có thu nhập ổn định nên cần tiếp tục giao con chung cho anh H nuôi dưỡng theo như yêu cầu của anh là phù hợp.

- Về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng: Anh Nguyễn H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh H khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với chị M không có lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử và vắng mặt tại phiên tòa, nên nếu sau này chị M có yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] *Về án phí*: Anh H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó anh H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[7] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

[8] *Về án phí*: Anh Nguyễn H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Trần Thị M không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 01 Điều 28, Điểm a Khoản 01 Điều 35, Điều 70, Điều 72, Điều 143, Điều 144, Điều 145, Điều 146, Điều 147, Khoản 1, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn H đối với chị Trần Thị M.

Anh Nguyễn H được ly hôn với chị Trần Thị M.

2. Về con chung:

- **Về nuôi con**: Giao con Nguyễn Trần Bảo Ng, sinh ngày 05/7/2011 cho anh Nguyễn H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- **Về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng**: Anh Nguyễn H không yêu cầu chị Trần Thị M phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Thị M có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Anh Nguyễn H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) anh H đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016163 ngày 04/4/2019 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận. Anh H đã nộp đủ án phí nên không phải nộp nữa.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Quyền kháng cáo của anh Nguyễn H là 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án (ngày 19/9/2019).

Riêng chị Trần Thị M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Bắc Bình;
- Chi cục THA huyện Bắc Bình;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn CL (để ghi vào sổ hộ tịch ĐK số 70, quyển số 01 ngày 17/7/2008);
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Anh

